

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 540/2004/QĐ-BKH ngày 07/6/2004 về việc ủy quyền cho Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam trong việc hình thành dự án; tiếp nhận, xem xét hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài trong Khu kinh tế mở Chu Lai.

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2000/NĐ-CP;

Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 233/1998/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp, ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 108/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 184/2003/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 43/2004/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 1687/TTr-UB ngày 15 tháng 9 năm 2003, Công văn số 2071/UB-KTM ngày 18 tháng 11 năm 2003 và Tờ trình số 166/TTr-UB ngày 06 tháng 02 năm 2004,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.**

1. Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu

Lai, tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi là Ban quản lý) là đầu mối hướng dẫn các nhà đầu tư đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai hoạt động theo Quy chế hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 108/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ; Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài.

2. Ủy quyền Ban quản lý tiếp nhận, xem xét hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Việc xem xét cấp Giấy phép đầu tư cho các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai được chấp thuận theo quy trình đăng ký cấp Giấy phép đầu tư do Ban quản lý thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai được chấp thuận theo quy trình đăng ký cấp Giấy phép đầu tư mà Ban quản lý được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư phải đồng thời đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Phù hợp với Quy hoạch, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Không thuộc những dự án nhóm A theo quy định tại khoản 1 Điều 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung, sửa đổi tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ;

3. Không thuộc các lĩnh vực không phân cấp việc cấp Giấy phép đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ;

4. Là dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ công nghiệp và dự án nhóm B thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ có quy mô đến 40 triệu đôla Mỹ.

Điều 4.

1. Ngoài các điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, dự án thuộc diện đăng ký cấp Giấy phép đầu tư phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp chế xuất có quy mô vốn đầu tư đến 40 triệu đôla Mỹ trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao và Khu phi thuế quan thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai;

b) Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có quy mô vốn đầu tư đến 10 triệu USD và doanh nghiệp dịch vụ công nghiệp có quy mô vốn đầu tư đến 5 triệu đôla Mỹ

trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao và Khu phi thuế quan thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai;

c) Dự án nhóm B trong Khu thuế quan và nằm ngoài Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai có quy mô vốn đầu tư đến 5 triệu đô la Mỹ;

d) Dự án trong Khu thuế quan và nằm ngoài Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai có quy mô vốn đầu tư đến 10 triệu đô la Mỹ và có tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm từ 80% trở lên.

2. Hồ sơ dự án đăng ký cấp Giấy phép đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 106 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung, sửa đổi tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ. Đơn đăng ký cấp Giấy phép đầu tư được lập theo Mẫu 1 và các tài liệu gửi kèm theo được lập theo Mẫu 2.b, 3.b, 3.c và 4.b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 12/2000/TT-BKH ngày 15 tháng 9 năm 2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp, dự án đầu tư thuộc danh mục dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 490/1998/TT-BKH-CNMT ngày 29 tháng 4 năm 1998 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường hướng dẫn lập và thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư và

gửi kèm hồ sơ dự án đăng ký cấp Giấy phép đầu tư.

3. Ban quản lý cấp Giấy phép đầu tư khi hồ sơ dự án đăng ký cấp Giấy phép đầu tư của nhà đầu tư đáp ứng đủ các điều kiện và thủ tục quy định tại Điều 3 và khoản 1 và 2 Điều 4 Quyết định này.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép đầu tư theo yêu cầu của Ban quản lý, Ban quản lý cấp Giấy phép đầu tư cho các dự án đủ điều kiện.

Mọi yêu cầu của Ban quản lý đối với nhà đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ dự án.

5. Đối với dự án đầu tư nằm ngoài các quy định nêu tại khoản 1 Điều này hoặc dự án nhóm B chưa có danh mục trong quy hoạch phát triển ngành hoặc quy hoạch sản phẩm đã được duyệt thì trước khi ra quyết định cấp Giấy phép đầu tư, Ban quản lý có trách nhiệm gửi Tóm tắt dự án tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư; lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan về những vấn đề thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành để được xem xét và chấp thuận.

Các Bộ, ngành được lấy ý kiến về dự án, kể cả trường hợp điều chỉnh Giấy phép đầu tư, có nhiệm vụ trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ dự án; quá thời

hạn trên mà không có ý kiến bằng văn bản thì coi như chấp thuận dự án.

Điều 5.

1. Giấy phép đầu tư được soạn thảo theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn.

2. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh, Ban quản lý gửi Giấy phép đầu tư, Giấy phép điều chỉnh về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (bản chính) và Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (bản sao).

Điều 6. Đối với các dự án Ban quản lý không được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư, sau khi tiếp nhận, Ban quản lý giữ lại 1 bộ hồ sơ (bản sao) và chuyển toàn bộ số hồ sơ dự án còn lại kèm theo ý kiến của Ban quản lý về dự án đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng ký cấp Giấy phép đầu tư theo quy định tại các Điều 105 và 106 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được bổ sung, sửa đổi tại các khoản 22 và 23 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ hoặc thẩm định cấp Giấy phép đầu tư theo quy định tại các Điều 109 và 114 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ.

Điều 7.

1. Ban quản lý hướng dẫn các nhà đầu

tư triển khai thực hiện dự án; thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong Khu kinh tế mở Chu Lai theo các quy định tại Quy chế hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 108/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ; Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài.

2. Ban quản lý thực hiện việc điều chỉnh Giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư đã được ủy quyền cấp Giấy phép đầu tư trong phạm vi hạn mức vốn đầu tư được ủy quyền. Việc điều chỉnh Giấy phép đầu tư được thực hiện theo quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18 và 19 Thông tư số 12/2000/TT-BKH ngày 15 tháng 9 năm 2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

3. Những trường hợp Ban quản lý quyết định với sự thỏa thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Do điều chỉnh Giấy phép đầu tư mà vượt quá hạn mức vốn được ủy quyền, thay đổi mục tiêu hoặc bổ sung mục tiêu dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện;

b) Giảm tỷ lệ góp vốn pháp định của Bên Việt Nam trong các trường hợp liên doanh hoặc chuyển hình thức liên doanh sang đầu tư 100% vốn nước ngoài;

c) Giải thể doanh nghiệp có vốn đầu tư

nước ngoài hoặc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thời hạn.

4. Ban quản lý quyết định giải thể doanh nghiệp và thu hồi các Giấy phép đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 8. Hàng quý, 6 tháng và hàng năm, Ban quản lý tổng hợp việc cấp Giấy phép đầu tư, điều chỉnh Giấy phép đầu tư, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế mở Chu Lai thuộc phạm vi quản lý và gửi báo cáo tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Điều 9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tạo mọi điều kiện thuận lợi và kiểm tra Ban quản lý thực hiện các việc được ủy quyền theo đúng quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chính phủ về việc ủy quyền quy định tại Quyết định này.

Điều 10. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 823/2003/QĐ-BKH ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam trong việc hình thành dự án; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp, khu chế xuất trong Khu kinh tế mở Chu Lai./.

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ

Võ Hồng Phúc

BỘ NỘI VỤ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 43/2004/QĐ-BNV ngày 04/6/2004 về việc phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ của Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II ngày 29 tháng 4 năm 2004 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.